

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày 17-8-2023

V/v: Tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- B phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Sáng; ông Nguyễn Mạnh Hớn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc Tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2023 và Thông báo dời thời gian mở phiên tòa số 37/TB-TA ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Bị đơn:

Ông Trần Văn B, sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn TL, xã PN, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “có mặt”

Bà Dương Thị C, sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các bản lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 23 tháng 02 năm 2022, tôi cho ông Trần Văn B và bà Dương Thị C vay số tiền 622.000.000đ (*sáu trăm hai mươi hai triệu đồng*), ông B và bà C nói mục đích vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng và hẹn tới ngày 09 tháng 3 năm 2022 sẽ trả lại cho tôi tiền vay gốc và lãi. Khi đó tôi và ông B, bà C

thỏa thuận lãi suất vay là 3%/triệu/tháng. Khi vay chúng tôi có viết giấy vay tiền đề ngày 23 tháng 02 năm 2022 do ông B và bà C cùng ký tên phía dưới. Tuy nhiên đến ngày 09 tháng 3 năm 2022 thì ông B, bà C không thực hiện việc trả nợ cho tôi như đã thỏa thuận. Tôi có yêu cầu trả thì ông bà cứ khất lần này sang lần khác nhưng đến nay vẫn chưa trả khoản tiền vay gốc và lãi nào cả. Do đó, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc B, bà C phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền vay gốc 622.000.000 đồng và trả tiền lãi cho tôi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày vay cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản lời khai trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Văn B trình bày:

Vào ngày 23 tháng 02 năm 2022, cô Dương Thị C cần tiền để trả nợ cho ngân hàng và do tôi có quen biết cô Đinh Thị Kim A hay cho người khác vay tiền nên tôi giới thiệu cô A với cô C để cô C vay tiền của cô A. Khi cô A và cô C gặp nhau thì cô A đồng ý cho cô C vay số tiền 600.000.000 đồng, hạn trả vào ngày 09 tháng 3 năm 2022, mức lãi thỏa thuận là 2.500 đồng/triệu/ngày. Khi đó cô A tính tiền lãi từ ngày 23 tháng 02 năm 2022 đến 09 tháng 3 năm 2022 B số tiền 22.000.000 đồng và tính vào tiền vay luôn, do đó số tiền ghi trong giấy vay là 622.000.000 đồng. Khi đó cô C trực tiếp viết giấy vay tiền đề ngày 23 tháng 02 năm 2022. Tôi nhớ khi đó cô A yêu cầu nên cô C ký tên phần “người vay” vào giấy, còn tôi ký tên vào phần “người làm chứng”, phần cô C ký “người vay” và phần tôi ký “người làm chứng” ngang hàng với nhau, nhưng tôi không hiểu sao giấy vay cô A cung cấp cho Tòa án thì chữ ký của tôi nằm bên dưới chữ ký của cô C. Số tiền 622.000.000 đồng cô C vay thì hoàn toàn do một mình cô C sử dụng, tôi chỉ là người giới thiệu, chứ tôi không có sử dụng vào số tiền vay này. Nay cô C không trả được tiền cho cô A thì cô C phải có nghĩa vụ trả, chứ không liên quan đến tôi.

Đối với bị đơn bà Dương Thị C không đến Tòa án làm việc nên không có lời trình bày trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 282, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim A về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và buộc ông Trần Văn B và bà Dương Thị C phải có trách nhiệm liên đới trả

cho bà Đinh Thị Kim A số tiền gốc đã vay là 622.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Đây là vụ án tranh chấp dân sự về "hợp đồng vay tài sản" do nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn ông Trần Văn B và bà Dương Thị C cư trú trên địa bàn huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Đối với bị đơn bà Dương Thị C có nơi cư trú tại thôn 1, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước nhưng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung đối với bà C theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Bà Đinh Thị Kim A yêu cầu ông Trần Văn B và bà Dương Thị C phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc đã vay 622.000.000 đồng.*

Xét yêu cầu khởi kiện của bà A, yêu cầu này được chứng minh bởi Giấy vay tiền (*bản gốc*) đề ngày 23 tháng 02 năm 2022 có chữ ký và viết họ tên của người vay là ông B, bà C. Điều này thể hiện rằng ông B, bà C tự nguyện giao kết hợp đồng với bà A để vay số tiền 622.000.000 đồng. Đồng thời, Giấy vay này được người khởi kiện là bà A cung cấp, không bị xé bỏ, gạch xóa và cũng được bị đơn ông B xác nhận là có. Do đó, đây là căn cứ chứng minh về việc vay tiền giữa các đương sự, thể hiện việc ông B, bà C xác lập hợp đồng vay với bà A là có thật.

Về phía bị đơn là ông B trình bày, số tiền bà C vay của bà A vào ngày 23 tháng 02 năm 2022 chỉ có 600.000.000 đồng, bà A tính tiền lãi là 2.500 đồng/triệu/ngày, cho nên tiền lãi tính từ ngày 23 tháng 02 năm 2022 đến 09 tháng 3 năm 2022 là 22.000.000 đồng được tính vào tiền vay. Do đó, số tiền ghi trong giấy vay là 622.000.000 đồng. Ngoài ra, ông B còn cho rằng ngày 23 tháng 02 năm 2022 ông B chỉ là người giới thiệu để bà C vay tiền của bà A, chứ ông B không phải là người vay và sử dụng chung số tiền này, đồng thời ông cho rằng giấy vay ngày 23 tháng 02 năm 2022 mà ông ký làm chứng không phải là giấy vay do bà A cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên, quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, ngoài những lời trình bày nêu trên thì ông B không

cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho trình bày của mình là đúng và lời trình bày này của ông B cũng không được bà A thừa nhận, nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Căn cứ nội dung giấy vay tiền do bà A cung cấp thể hiện thông tin người vay và chữ ký của người vay là ông B và bà C. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông B và bà C là người vay tiền của bà A đến nay vẫn chưa trả được một khoản tiền gốc nào, nên cần buộc ông B và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà A với số tiền gốc đã vay là 622.000.000 đồng là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Tại giấy vay lập ngày 23 tháng 2 năm 2022 thể hiện hạn trả nợ vào ngày 09 tháng 3 năm 2022 và không thể hiện việc thỏa thuận tính lãi, nhưng quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà A và ông B trình bày có thỏa thuận về tiền lãi, từ khi vay cho đến nay ông B và bà C chưa trả cho bà A được một khoản tiền lãi nào. Do đó ông B, bà C phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi của số tiền 622.000.000 đồng theo yêu cầu của bà A, cụ thể được tính như sau:

Từ ngày 23 tháng 02 năm 2022 (ngày vay) đến ngày 17 tháng 8 năm 2023 (ngày xét xử) là 17 tháng 24 ngày: $622.000.000 \text{ đồng} \times 1.66\%/\text{tháng} \times 17 \text{ tháng } 24 \text{ ngày} = 183.788.500 \text{ đồng}$.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông B, bà C liên đới phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 228, 266, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 280, 282, 288, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Kim A về tranh chấp "hợp đồng vay tài sản".

Tuyên xử:

Buộc ông Trần Văn B và bà Dương Thị C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đinh Thị Kim A số tiền gốc đã vay là 622.000.000 đồng và số tiền lãi là 183.788.500 đồng, tổng cộng 805.788.500 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

Thi hành án của người được thi hành (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn B và bà Dương Thị C liên đới phải chịu số tiền là 36.174.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Kim A số tiền tạm ứng án phí là 15.440.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006434 ngày 13 tháng 3 năm 2023 của A cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- A cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán

Văn Phú Vinh

